

Bản án số: 07/2020/DS-ST

Ngày 04 - 6 - 2020

v/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sái Đức Trung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hoi

Ông Nguyễn Văn Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Minh Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 02/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2020 về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam

Đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Quang D, chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Ph, tỉnh Thái Nguyên.

Địa chỉ: Tổ 2, thị trấn H, huyện P, tỉnh Thái Nguyên;

(Có mặt tại phiên tòa)

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1973

Địa chỉ: Xóm T, xã D, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (tham gi tố tụng đối với bên bị đơn): Chị Vũ Thị H, sinh năm 1978

Địa chỉ: Xóm T, xã D, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt tại phiên tòa có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn là Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam trình bày:

- *Nguyên đơn người đại diện theo ủy quyền ông D trình bày:* Năm 2012 Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh P (Ngân hàng) có cho hộ anh Nguyễn Văn T vay 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng). Cụ thể như sau:

+ Tại hợp đồng tín dụng số 8507LAV 201201234 ngày 30/03/2012 thì anh Nguyễn Văn T có giao dịch vay của Ngân hàng số tiền là 150 triệu đồng, lãi suất 19,5%/năm. Thời hạn vay 36 tháng. Mục đích vay: Vay tiêu dùng và xây dựng nhà ở.

Để đảm bảo cho khoản vay, hộ anh Nguyễn Văn T đã dùng tài sản của gia đình mình là nhà ở và công trình phụ xây dựng trên thửa đất 2277 tờ bản đồ số 1 có diện tích là 300m² (đất ở); thửa 2277c, diện tích 1124 m² (đất vườn); thửa 2472 diện tích 200 m² (đất vườn) cùng tờ bản đồ địa chính số 1 xã D. Đất đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T698005 cấp ngày 20/8/2002 cho ông (bà) Nguyễn Thị H thế chấp cho Ngân hàng. Trong quá trình làm thủ tục vay vốn, bà Nguyễn Thị H (bà Hạt mẹ đẻ của anh T) có ủy quyền cho anh T để thế chấp quyền sử dụng đất, vào thời điểm này bà H đang sinh sống cùng vợ chồng anh T, chị H.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng đến ngày 17/02/2020, hộ gia đình anh T đã thanh toán được cho Ngân hàng số tiền gốc là: 103.000.000đ (Một trăm linh ba triệu đồng) và lãi suất là: 69.779.165đ (Sáu mươi chín triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn một trăm sáu mươi lăm đồng). Tuy nhiên, đến thời điểm này, hộ gia đình anh T đã vi phạm về nghĩa vụ thanh toán tiền gốc và lãi suất cho Ngân hàng.

Nay tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu: Buộc hộ anh Nguyễn Văn T phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc còn nợ là: 47.000.000đ (Bốn mươi bảy triệu đồng) và lãi suất, cụ thể: (từ ngày 06/6/2015 đến 17/02/2020 đối với nợ gốc là: 102.000.000đồng và từ ngày 17/02/2020 đến 04/6/2020 đối với nợ gốc là: 47.000.000đồng), tổng số tiền lãi suất là 57.618.335đ (Năm mươi bảy triệu sáu mươi tám nghìn ba trăm ba mươi lăm đồng). Trong trường hợp hộ anh Nguyễn Văn T không thanh toán cho Ngân hàng số tiền nêu trên hoặc thanh toán không đầy đủ thì đề nghị Tòa án tiến hành kê biên phát mãi tài sản đảm bảo sau để thu hồi số nợ còn thiếu là nhà ở và công trình phụ xây dựng trên thửa đất 2277 tờ bản đồ số 1 có diện tích là 300m² (đất ở) và thửa 2277c (đất vườn), diện tích 1124 m², thửa 2472, (đất vườn), diện tích

200 m², cùng tờ bản đồ địa chính số 1, đất đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T698005 cấp ngày 20/8/2002 cho ông (bà) Nguyễn Thị H.

- *Bị đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày:* Anh xác định anh và gia đình anh có giao dịch vay của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn -Chi nhánh P và hiện còn nợ như phía Ngân hàng vừa trình bày. Đến nay (tức ngày 04/6/2020) anh và gia đình anh còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 47.000.000đồng; lãi suất là 57.618.335đồng như nguyên đơn trình bày là đúng. Gia đình anh đã ký hợp đồng thế chấp cho Ngân hàng tài sản để đảm bảo tiền vay gồm: nhà ở, công trình phụ và 3 thửa đất 2277, 2277c, 2472 tờ bản đồ số 1 xã D theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số T698005 cấp ngày 20/8/2002 cho ông (bà) Nguyễn Thị H. Khi làm thủ tục vay, anh có được mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị H ủy quyền để thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất. Đến ngày 23/10/2016 bà Nguyễn Thị H đã chết, các thửa đất trên vẫn do vợ chồng anh tiếp tục quản lý, sử dụng. Nay hoàn cảnh kinh tế gia đình anh rất khó khăn, không có khả năng trả khoản nợ trên cho Ngân hàng, anh đề nghị Ngân hàng cho được trả nợ dần hết số nợ trên.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Vũ Thị H trình bày:* Chị là vợ của anh Nguyễn Văn T. Gia đình chị có ký kết hợp đồng tín dụng vay tiền Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện P và gia đình chị đã thế chấp cho Ngân hàng tài sản gồm: nhà ở, công trình phụ và 3 thửa đất 2277, 2277c, 2472 tờ bản đồ số 1 xã D theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T698005 cấp ngày 20/8/2002 cho ông (bà) Nguyễn Thị H. Nay do hoàn cảnh khó khăn chị xin trả dần cho Ngân hàng.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng các bên không thỏa thuận được do vậy vụ án phải đưa ra xét xử công khai.

- *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên có quan điểm:*

Về tố tụng:

Việc phân công thẩm phán, thư ký, thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, tổ chức phiên họp công khai tài liệu chứng cứ, hòa giải, việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng chuyển giao hồ sơ cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự theo quy định tại chương XIV của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn là anh Nguyễn Văn T phải thanh toán trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 47.000.000đồng; lãi suất là 57.618.335đồng, tổng cộng: 104.618.335đ (Một trăm linh bốn triệu sáu trăm mười tám nghìn ba trăm ba mươi lăm đồng)

Nếu gia đình anh Nguyễn Văn T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản tiền trên cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên phát mại tài sản thế chấp là nhà ở và công trình phụ xây dựng trên thửa đất 2277 có diện tích là 300m² và các thửa 2277c, 2472 tờ bản đồ số 1 xã D theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số T698005 cấp ngày 20/8/2002 cho ông (bà) Nguyễn Thị H, để thu hồi khoản tiền còn thiếu.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn là anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về Tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Ngân hàng khởi kiện anh Nguyễn Văn T có địa chỉ: Xóm T, xã D, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 **Bộ luật tố tụng dân sự** là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng khởi kiện đối với anh Nguyễn Văn T về hợp đồng tín dụng, nhưng mục vay vốn của hộ anh Nguyễn Văn T là để tiêu dùng và xây dựng nhà ở. Đây là quan hệ pháp luật về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã giao các văn bản tố tụng cho các đương sự, tiến hành lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành, các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Nguyên đơn Ngân hàng-Đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên (có văn bản ủy quyền cho bà Phan Thị Tuyết H, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Phú Bình). Bà H ủy quyền lại cho ông Dương Quang D, chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng.

Tòa đã triệu tập hợp lệ người có quyền lợi liên quan là chị Vũ Thị H. Tuy nhiên chị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 BLTTDS, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt những người trên.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Theo hợp đồng tín dụng số 8507LAV 201201234 ngày 30/03/2012 thì hộ gia đình anh Nguyễn Văn T có giao dịch vay của Ngân hàng số tiền là 150.000.000 đồng, lãi suất 19,5%/năm. Thời hạn vay 36 tháng, mục đích vay tiêu dùng và xây dựng nhà ở. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, hộ gia đình anh T đã thanh toán được cho Ngân hàng số tiền gốc là 103.000.000 đồng và lãi suất là 69.779.165 đồng, anh hộ gia đình T đã vi phạm về nghĩa vụ thanh toán tiền gốc và lãi suất. Nay Ngân hàng yêu cầu buộc hộ gia đình anh T phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là: 47.000.000 đồng và lãi suất là 57.618.335 đồng, tổng cộng: 104.618.335 đ (Một trăm linh bốn triệu sáu trăm mười tám nghìn ba trăm ba mươi lăm đồng).

[2.1] Về quá trình ký kết hợp đồng: Ngày 30/3/2012, bên cho vay Ngân hàng do ông Nguyễn Văn Dg, chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch xã T, chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn huyện P làm đại diện và bên vay anh Nguyễn Văn T tiến hành ký kết hợp đồng tín dụng số 8507LAV 201201234 với nội dung: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam- Chi nhánh P cho anh Nguyễn Văn T vay 150.000.000 đồng, mục đích sử dụng tiền vay: Vay tiêu dùng, làm nhà ở, với thời hạn vay 36 tháng; Lãi suất vay là 19,5%/năm. Kèm theo hợp đồng tín dụng có hợp đồng thế chấp tài sản số: 720209 ngày 29/3/2012, giấy đề nghị kiêm phương án vay vốn nhu cầu đời sống, biên bản xác định giá trị tài sản bảo đảm lập ngày 29/3/2012 “có nội dung thể hiện các thành viên trong hộ gia đình anh Nguyễn Văn T gồm: Anh Nguyễn Văn T là chủ hộ, chị Vũ Thị H là vợ anh T và bà Nguyễn Thị H là mẹ đẻ của anh T. Bà H và chị H đều là đồng sở hữu đối với tài sản thế chấp và đều cam kết có trách nhiệm thanh toán đối với khoản vay của anh Nguyễn Văn T với Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện P”.

Hội đồng xét xử thấy rằng hợp đồng tín dụng 8507LAV 201201234 ngày 30/3/2012 phù hợp với các quy định tại Điều 401, Điều 402; Điều 403; Điều 404; Điều 405; Điều 406 của Bộ luật dân sự năm 2005, vì vậy có hiệu lực thi hành đối với các bên.

[2.2] Về quá trình thực hiện hợp đồng:

Quá trình thực hiện hợp đồng số 8507LAV201201234, Ngân hàng đã giải ngân cho bên vay là anh Nguyễn Văn T số tiền 150.000.000 đồng;

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng số 8507LAV 201201234 ngày 30/3/2012, anh T đã thanh toán được cho Ngân hàng số tiền gốc là: 103.000.000 đồng và lãi suất là 69.779.165 đồng. Đến thời điểm này, hộ gia đình

anh T còn nợ: 47.000.000đồng và lãi suất là 57.618.335đồng, tổng cộng: 104.618.335đ (Một trăm linh bốn triệu sáu trăm mười tám nghìn ba trăm ba mươi lăm đồng), anh T đã vi phạm về nghĩa vụ thanh toán tiền gốc và tiền lãi cho Ngân hàng là vi phạm điểm c khoản 2 điều 6 của Hợp đồng tín dụng số 8507LAV 201201234 ngày 30/3/2012; Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Do đó yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc hộ gia đình anh T phải thanh toán cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số 8507LAV 201201234 ngày 30/3/2012 số tiền nợ gốc là: 47.000.000đồng và lãi suất là 57.618.335đồng, tổng cộng: 104.618.335đ (Một trăm linh bốn triệu sáu trăm mười tám nghìn ba trăm ba mươi lăm đồng) là có cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật cần được chấp nhận.

[2.3] Xét yêu cầu của nguyên đơn là Ngân hàng về việc tiến hành kê biên phát mại tài sản đảm bảo trong trường hợp hộ gia đình anh T không thanh toán được cho Ngân hàng số tiền nêu trên là nhà ở và công trình phụ xây dựng trên thửa đất số 2277 tờ bản đồ số 1 có diện tích là 300m² (đất ở) và thửa 2277c, diện tích 1124 m², thửa 2472 diện tích 200 m² cùng tờ bản đồ số 1, mục đích sử dụng: đất vườn đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T698005 cấp ngày 20/8/2002 cho ông (bà) Nguyễn Thị H thế chấp cho Ngân hàng. Trong quá trình làm thủ tục vay vốn, bà Nguyễn Thị H có ủy quyền cho anh T để thế chấp quyền sử dụng đất. (Vào thời điểm giao dịch vay vốn ngân hàng, bà H còn sống và có cùng hộ khẩu với anh Nguyễn Văn T).

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và Biên bản xác minh ngày 11/02/2020 xác định các tài sản hộ anh Nguyễn Văn T thế chấp vay ngân hàng gồm: Nhà ở cấp 4 diện tích 210 m², kiểu nhà 2 tầng, xây dựng năm 2009; nhà ngang, bếp, loại nhà cấp 4, diện tích 60 m²; các thửa đất: thửa 2277, diện tích 300 m², mục đích sử dụng: T; Thửa 2277c, diện tích 1124 m², mục đích sử dụng: đất vườn; thửa 2472, diện tích 200 m², mục đích: đất vườn. Các thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận mang tên hộ ông (bà) Nguyễn Thị H. Vào thời điểm giao dịch vay tài sản ngân hàng bà H sống chung cùng vợ chồng anh Nguyễn Văn T, chị Vũ Thị H. Đến năm 2016 bà H chết, vợ chồng anh T, chị H quản lý, sử dụng ổn định tài sản trên đất và các thửa đất trên. Do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang thế chấp tại Ngân hàng nên chưa làm thủ tục sang tên cho anh T, chị H được.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phù hợp với các quy định tại: Điều 313, Điều 401, Điều 402; Điều 403; Điều 404; Điều 405; Điều 406 của Bộ luật dân sự năm 2005. Vì vậy, có hiệu lực thi hành đối với các bên;

Do đó yêu cầu của nguyên đơn được quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành xử lý tài sản thế chấp là: nhà ở và công trình phụ xây dựng trên thửa đất 2277 tờ bản đồ số 1 có diện tích là 300m² (đất ở) và thửa 2277c, diện tích 1124 m², thửa 2472 diện tích 200 m², cùng tờ bản đồ số 1, mục đích sử dụng: đất vườn. (Đất đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T698005 cấp ngày 20/8/2002 cho ông (bà) Nguyễn Thị H là có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận vì vậy bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 313; Điều 401; Điều 402; Điều 403; Điều 404; Điều 405; Điều 406 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 133 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ; điểm b, 1.3 khoản 1 Mục II danh mục mức án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam đối với anh Nguyễn Văn T đối với hợp đồng tín dụng số 8507LAV201201234 ngày 30/3/2012.

Buộc anh Nguyễn Văn T thanh toán cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam số tiền là: 104.618.335đ (Một trăm linh bốn triệu sáu trăm mười tám nghìn ba trăm ba mươi lăm đồng), trong đó: Nợ gốc 47.000.000đ (Bốn mươi bảy triệu đồng) và lãi suất là 57.618.335đ (Năm mươi bảy triệu sáu trăm mười tám nghìn ba trăm ba mươi lăm đồng).

Anh Nguyễn Văn T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trên số nợ gốc do các bên thỏa thuận trong hợp đồng số số 8507LAV 201201234 ngày 30/3/2012, nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong.

2. Trong trường hợp anh Nguyễn Văn T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ được cho số tiền nêu trên, thì Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam có quyền đề nghị Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành xử lý các tài sản đảm bảo sau để thu hồi số nợ còn thiếu là: nhà

ở và công trình phụ xây dựng trên thửa đất 2277 tờ bản đồ số 1 có diện tích 300m² (đất ở) và các thửa 2277c, diện tích 1124 m², thửa 2472 diện tích 200 m², cùng tờ bản đồ số 1, mục đích sử dụng: đất vườn. (Đất đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T698005 cấp ngày 20/8/2002 cho ông (bà) Nguyễn Thị H.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 5.230.916đ (Năm triệu hai trăm ba mươi nghìn chín trăm mười sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch sung vào ngân sách Nhà nước. Trả lại cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam –Chi nhánh P 2.550.000đ (Hai triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng), theo biên lai thu số 0001065 ngày 09/01/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

4. Thông báo về quyền kháng cáo: Có mặt nguyên đơn (Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam-Chi nhánh P); bị đơn (anh Nguyễn Văn T) có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (chị Vũ Thị H) có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành 8 án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện P;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện P;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sái Đức Trung

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Bình;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sái Đức Trung